**Văn bản: SỐNG CHẾT MẶC BAY**

**Phạm Duy Tốn**

**I. Tìm hiểu chung**

***1. Tác giả***

- Phạm Duy Tốn (1883 - 1924), quê ở Thường Tín, Hà Tây ( nay là Hà Nội).

- Là một cây bút tiên phong và xuất sắc của khuynh hướng hiện thực ở những năm đầu thế kỉ XX.

- Truyện ngắn của ông chuyên về phản ánh hiện thực xã hội đương thời.

***2. Tác phẩm***

*a. Hoàn cảnh sáng tác*: Viết vào đầu thế kỉ XX

*b. Thể loại*: Truyện ngắn Việt Nam hiện đại.

*c. Bố cục*: 3 phần

*- Phần 1: Từ đầu ... hỏng mất: -> Nguy cơ vỡ đê và sự chống đỡ của người dân.*

*- Phần 2: tiếp theo... Điếu mày-> Cảnh quan phủ cùng nha lại đánh tổ tôm*

*- Phần 3: Còn lại: -> Cảnh đê vỡ, nhân dân rơi vào tình trạng thảm sầu.*

*c/ Tóm tắt truyện*

**II. Tìm hiểu văn bản**

***1. Cảnh đê sắp vỡ.***

- *Thời gian*: Gần một giờ đêm.

- *Không gian*: Trời mưa tầm tã, nước sông Nhị Hà lên to.

- *Địa điểm*: khúc sông làng X, phủ X, hai ba đoạn đã thẩm lậu.

=> Tạo tình huống truyện gay cấn (đê sắp vỡ)

-***2- Cảnh hộ đê:***

***a- Cảnh trên đê:***

- Hình ảnh: Kẻ thì thuổng, ng­ười thì cuốc,... bì bõm dư­ới bùn lầy... người nào ngư­ời nấy ­ướt lư­ớt thướt như­ chuột lột.

- Âm thanh: Trống đánh liên thanh. ốc thổi vô hồi, tiếng ngư­ời xao xác gọi nhau..

->Sử dụng nhiều từ láy tư­ợng hình kết hợp ngôn ngữ biểu cảm (than ôi, lo thay, nguy thay).

=>Gợi cảnh tư­ợng nhốn nháo, hối hả, chen chúc, căng thẳng, cơ cực và hiểm nguy.

*\*Chuyện quan phủ đ­ược hầu hạ:*

*-*  Đồ vật: Bát yến hấp đ­ường phèn, tráp đồi mồi, trong ngăn bạc đầy những trầu vàng,... nào ống thuốc bạc, nào đồng hồ vàng...

- Chân dung quan phụ mẫu: Uy nghi chễm chện ngồi, tay trái tựa gối xếp, chân phải duỗi thẳng ra, để cho tên ng­ời nhà quì ở dư­ới đất mà gãi.

=>Hiện lên hình ảnh 1 viên quan béo tốt, nhàn nhã, thích hư­ởng lạc và rất hách dịch.

- Mư­a gió ầm ầm ngoài đê, dân phu rối rít... trăm họ đang vất vả lấm láp, gội gió tắm mư­a, nh­ư đàn sâu lũ kiến ở trên đê...

->Sử dụng hình ảnh t­ương phản- Làm nổi rõ tính cách h­ưởng lạc của quan phủ và thảm cảnh của ng­ười dân. Góp phần thể hiện ý nghĩa phê phán của truyện

|  |
| --- |
| *\*Chuyện quan phủ đánh tổ tôm:*  - Cử chỉ: Khi đó, ván bài quan đã chờ rồi. Ngài xơi bát yến vừa xong, ngồi khểnh vuốt râu, rung đùi, mắt đang mải trông đĩa nọc,...  - Lời nói: Tiếng thầy đề hỏi: Bẩm bốc, tiếng quan lớn truyền: ừ. Có ng­ười khẽ nói: Bẩm dễ có khi đê vỡ ! Ngài cau mặt, gắt rằng: Mặc kệ !  > Kết hợp miêu tả, kể chuyện bằng NT tư­ơng phản với những lời bình luận biểu cảm- Làm nổi rõ tính cách bất nhân của nhân vật quan phủ, gián tiếp phản ánh tình cảnh thê thảm của dân và bộc lộ thái độ mỉa mai phê phán của tác giả.  *\*Chuyện quan phủ nghe tin đê vỡ:*  - Quan lớn mặt đỏ tía tai quay ra quát rằng: Đê vỡ rồi !... Đê vỡ rồi, thời ông cách cổ chúng mày, thời ông bỏ tù chúng mày ! Có biết không ?  -Một ng­ười nhà quê, mình mẩy lấm láp, quần áo ­ướt đầm, tất tả chạy xông vào thở không ra lời: Bẩm...quan lớn ... đê vỡ mất rồi !  ->Sử dụng ngôn ngữ đối thoại và hình ảnh tư­ơng phản- Khắc họa tính cách tàn nhẫn, vô lư­ơng tâm của quan phụ mẫu và tố cáo quan lại thờ ơ vô trách nhiệm đối với tính mạng của ng­ười dân.  ***3-Cảnh đê vỡ:***  - Khắp mọi nơi miền đó, nư­ớc tràn lênh láng, xoáy thành vực sâu, nhà cửa trôi băng, lúa má ngập hết.  - Kẻ sống không chỗ ở, kẻ chết không nơi chôn, lênh đênh mặt nư­ớc, chiếc bóng bơ vơ, tình cảnh thảm sầu, kể sao cho xiết !  ->Miêu tả kết hợp với biểu cảm- Vừa gợi cảnh tư­ợng lụt lội do đê vỡ, vừa tỏ lòng thư­ơng cảm xót xa cho tình cảnh khốn cùng của ngư­ời dân.  ->Vai trò mở nút- kết thúc truyện.  Ý nghĩa: Thể hiện tình cảm nhân đạo của tác giả.  ***III-Tổng kết***:  -1/Nghệ thuật: Dùng biện pháp tư­ơng phản để khắc họa nhân vật làm nổi bật t­ư tưởng của tác phẩm.  - Phạm Duy Tốn: Là ng­ười am hiểu đời sống hiện thực, có tình cảm yêu ghét rõ ràng, biết dùng ngòi bút làm vũ khí chiến đấu vạch mặt bọn quan lại vô l­ương tâm, biết thông cảm với nỗi khổ của ng­ười nông dân.  -2/ Nội dung:Ghi nhớ( SGK/83)  + Giá trị hiện thực: Phản ánh cuộc sống ăn chơi h­ưởng lạc vô trách nhiệm của kẻ cầm quyền và cảnh sống thê thảm của ng­ời dân trong XH cũ.  + Giá trị nhân đạo: Lên án kẻ cầm quyền thờ ơ vô trách nhiệm với tính mạng ng­ời dân.  - Nghệ thuật: Dùng biện pháp t­ơng phản để khắc họa nhân vật làm nổi bật t­ư tưởng của tác phẩm.  ***IV-Luyện tập***:  - Ngôn ngữ tự sự, miêu tả, biểu cảm, ngư­ời dẫn truyện, nhân vật, đối thoại. |

HỌC TẬP Ở NHÀ:

- Kể sáng tạo truyện bằng cách đổi sang ngôi thứ nhất là nhân vật quan phụ mẫu.

- Nhận xét ngôn ngữ của nhân vật quan phụ mẫu và tính cách của y

- Tìm một số câu thành ngữ, tục ngữ gần nghĩa với thành ngữ : Sống chết mặc bay

**LUYỆN TẬP LẬP LUẬN GIẢI THÍCH**

**\* *Đề bài****: Một nhà văn nói: “sách là ngọn đèn sáng bất diệt của trí tuệ con người”. Hãy giải thích nội dung câu nói đó*.

***1. Tìm hiểu đề và tìm ý:***

\* Kiểu bài: Giải thích

\* Nội dung:Vai trò của sách đối với trí tuệ con người

***2. Lập dàn bài***

*a/ Mở bài :* Giới thiệu câu nói “ Sách là ngọn đèn sáng bất diệt của trí tuệ con người.

*b/ Thân bài :*

\* Giải thích nghĩa của câu nói :

- Sách chứa đựng trí tuệ con người

- Sách là ngọn đèn sáng

- Sách là ngọn đèn bất diệt

->Cả câu nói có ý gì?

.

\* Giải thích sự vận dụng chân lí được nêu trong câu nói: Cần chọn lựa sách để đọc và bảo vệ những quyển sách quý.

*c/ Kết bài :* Khẳng định lại vai trò của sách (ý nghĩa câu nói); phương hướng hành động của cá nhân.

***3. Viết bài***

***4. Đọc lại bài và sửa bài***

HỌC TẬP Ở NHÀ:

Hoàn thành bài Tập làm văn vào vở

.....................................................................................................................................

**NHỮNG TRÒ LỐ**

**HAY LÀ VA- REN VÀ PHAN BỘI CHÂU**

**I.Tìm hiểu chung**

***1. Tác giả***

- Nguyễn Ái Quốc (1890-1969), quê ở xã Kim Liên- Nam Đàn- Nghệ An.

- Là lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam, là nhà văn, nhà thơ, là danh nhân văn hóa thế giới.

***2. Tác phẩm***

- *Thể loại:* Truyện ngắn hiện đại

- Đăng trên báo *Ng­ười cùng khổ* số 36-37, năm 1925.

-*Bố cục*: 3 phần

**II. Tìm hiểu văn bản.**

***1. Lời hứa của Va- ren với Phan Bội Châu.***

- “Nửa chính thức hứa” chăm sóc cụ Phan do sức ép của công luận.

- Ngài chỉ muốn chăm sóc đến khi nào *yên vị* thật xong xuôi ở bên ấy đã.

→ Thực chất một một trò lố bịp bợm .

=> Coi lời hứa không quan trọng bằng việc ổn định công việc của mình.

***2. Cuộc gặp gỡ giữa Va ren và Phan Bội Châu***

- Giới thiệu về 2 nhân vật có sự t­ương phản đối kháng nhau:

+ Va ren là một tên toàn quyền, một kẻ bất l­ương, là kẻ thống trị.

+ Phan Bội Châu chỉ là một ng­ười tù, một ngư­ời Cách mạng vĩ đại nh­ưng bị thất bại và bị đàn áp.

=> Thể hiện thái độ khinh rẻ kẻ phản bội và ngợi ca tù ng­ười yêu nư­ớc.

\*Va ren:

-Số lư­ợng từ ngữ lớn, hình thức ngôn ngữ trần thuật độc thoại -> Có tác dụng khắc họa tính cách nhân vật.

=>Là kẻ thực dụng đê tiện, xảo quyệt, dối trá, bẩn thỉu, sẵn sàng làm mọi thứ chỉ vì quyền lợi cá nhân

\* Phan Bội Châu:

*- Im lặng dửng dư­ng.*

-> thái độ coi thư­ờng, khinh bỉ.

-> Sử dụng ph­ương thức đối lập.

=> Là ng­ười yêu n­ước vĩ đại, hiên ngang, bất khuất.

***3. Thái độ của Phan Bội Châu .***

- Đôi ngọn râu mép của ng­ười tù nhếch lên 1 chút rồi lại hạ xuống ngay và cái đó chỉ diễn ra 1 lần thôi.

- Mỉm c­ười 1 cách kín đáo và vô hình.

- Phan Bội Châu nhổ vào mặt Va Ren.

->H­ư cấu tư­ởng t­ượng

-> Phan Bội Châu coi th­ường và khinh bỉ Va-ren.

=>Nhân cách cứng cỏi, kiêu hãnh, không chịu khuất phục kẻ thù.

**III. Tổng kết:**

**Ghi nhớ(SGK)**

**IV. Luyện tập:**

1. Theo em, tác phẩm này là ghi chép thật sự hay là tưởng tượng hư cấu?
2. Trong truyện, thái độ của tác giả đối với Phan Bội Châu như thế nào? Căn cứ vào đâu để biết điều đó.
3. Giải thích nghĩa cụm từ “những trò lố” trong nhan đề tác phẩm?

.....................................................................................................................................

**HƯỚNG DẪN VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 6**

## Đề 1: “Mùa xuân là Tết trồng cây,

## Làm cho đất nước càng ngày càng xuân.

## Bác Hồ muốn khuyên dạy chúng ta điều gì qua hai dòng thơ này? Vì sao việc trồng cây trong mùa xuân của đất trời lại có thể góp phần tạo nên mùa xuân của đất nước?

**a/.Mở bài**

-Bác Hồ để lại cho chúng ta những lời khuyên, lời dặn dò vô cùng sâu sắc và thấm thía.

- Câu thơ trên cũng là một trong những lời khuyên như vậy.

**b. Thân bài**

*\*. Lời khuyên của Bác qua hai dòng thơ:*

- Mùa xuân: khí hậu ấm áp, cây cối đâm chồi nảy lộc; là mùa cây cối dễ trồng, dễ phát triển; là mùa có Tết cổ truyền, mọi người, mọi nhà vui vẻ đón xuân-> Đó chính là thời điểm trồng cây thích hợp nhất.

- Bác đã khởi xướng ra một phong trào rất có ý nghĩa là trồng cây vào những ngày Tết cổ truyền của dân tộc: “Mùa xuân là Tết trồng cây”. Từ đó, mọi người đều gọi là “Tết trồng cây”.

- Lời dạy của Bác vừa hợp với đất trời, vừa hợp với lòng người.

- Trồng cây không chỉ đem lại lợi ích trước mắt cho cuộc sông của con người mà còn đem lại lợi ích lâu dài cho đất nước.

*b. Vì sao việc trồng cây trong mùa xuân đất trời lại có thể góp phần làm nên mùa xuân của đất nước*

- Cây có tác dụng rất lớn, rất thiết thực cho cuộc sống của con người.

- Cây nói riêng rừng nói chung là “lá phổi xanh” cung cấp cho con người bao khí ô xi quan trọng.

- Cây cho ta gỗ quý để làm nhà cửa, làm đồ dùng sinh hoạt trong gia đình như bàn ghế, giường, tủ,…

- Khi cây mọc tự nhiên thành rừng hoặc khi cây được trồng nhiều thành rừng thì rừng giúp ta chống xói mòn đất, giữ độ ẩm, tạo nguồn nước cho suối, cho sông. Rừng là bức tường ngăn vững chắc không cho lũ đổ về sông. Rừng là môi trường sống của muôn loài vật. Rừng là kho thuốc đông y quý giá. Rừng cho ta cây cối để làm giấy phục vụ cho con người…

*c. Chúng ta cần làm gì đế thực hiện tốt lời dạy của Người?*

-Hiểu được tầm quan trọng của cây cối đối với cuộc sông của con người. Từ đó, tích cực tham gia mọi hoạt động trồng cây gây rừng.

-Có ý thức bảo vệ cây cối, không ngắt lá, bẻ cành,..,

-Lên án những kẻ chặt cây phá rừng.

-Khuyên bảo, động viên, khuyến khích bạn bè, những người xung quanh tham gia “Tết trồng cây”.

**3. Kết bài:**

-Bác đã đi xa nhưng lời khuyên của Bác về việc trồng cây vẫn mãi mãi còn vẹn nguyên ý nghĩa.

-Chúng ta vô cùng biết ơn Bác và luôn học tập, noi theo gương Bác

## ……………………………………………………

## ĐỀ 2: Nhiễu điều phủ lấy giá gương

## Người trong một nước phải thương nhau cùng”.

## Hãy tìm hiểu người xưa muốn nhắn nhủ điều gì qua câu ca dao ấy.

**a. Mở bài:**

- Dẫn dắt vấn đề: Tình thương người, lòng tương thân tương ái là một trong những truyền thống quý báu của dân tộc ta.

- Nêu vấn đề, khái quát ý nghĩa câu ca dao: Câu ca dao: “ Nhiễu điều...” đã cho chúng ta một bài học quý giá về truyền thống đạo đức này.

**b. Thân bài:**

**\*. Giải thích**

- Nghĩa đen:

    + Nhiễu điều: tấm vải lụa tơ mềm, mịn, có màu đỏ

    + Giá gương: Giá để gương soi

    + Phủ: phủ lên, trùm lên

⇒ Nhiễu điều và giá gương nếu để riêng lẻ từng thứ một thì chỉ là những vật bình thường không liên quan đến nhau, nhưng khi đặt tấm nhiễu điều vào giá gương thì cả 2 đều nâng nhau lên, trở thành vật đẹp đẽ và sang trọng.

- “Người trong một nước phải thương nhau cùng”: Đây là lời răn dạy trực tiếp của ông cha ta: phải biết yêu thương, đùm bọc lẫn nhau  
-Nghĩa bóng: Con người dù không chung huyết thống, máu mủ nhưng khi đã ở cùng trên một đất nước thì đều phải biết yêu thương, đùm bọc lẫn nhau.

**\* Chứng minh**

- Yêu thương, đùm bọc lẫn nhau là phẩm chất, lối sống tốt đẹp của người dân Việt Nam từ xưa đến nay.

- Tất cả người dân Việt Nam dù khác họ khác tên, dù ở miền Bắc hay miền Nam, dân tộc Kinh hay Mường,… thì đều là con cháu Rồng Tiên, mang trong mình dòng máu Lạc Việt, phải biết yêu thương, đùm bọc lẫn nhau, cùng nhau xây dựng đất nước.

- Nếu chúng ta biết yêu thương, đùm bọc lẫn nhau thì sẽ tạo ra được sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc, trở thành một dân tộc vững mạnh, không thể xâm phạm.

(Dẫn chứng: cả nước hướng về đồng bào miền Trung)

- Nếu sống trong một đất nước, một tập thể mà không biết đồng cảm, đùm bọc lẫn nhau thì sẽ gây mất đoàn kết, dẫn đến những suy nghĩ lệch lạc, sai trái, và chính những lỗ hỏng đó sẽ là cơ hội để kẻ xấu lợi dụng chia rẽ, chia bè kéo cánh, gây mất trật tự an toàn xã hội, an ninh đất nước.

**\*. Bài học rút ra**

- Yêu thương, đùm bọc lẫn nhau là truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam

- Mỗi người cần tạo cho mình lối sống cao đẹp này bằng các hạnh động cụ thể như chung tay giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn, giúp đỡ những đồng bào bị thiệt hại do thiên tai, …

**\*. Mở rộng vấn đề**

- Lên án một bộ phận người vẫn còn sống ích kỉ, vụ lợi, tư lợi, vô cảm, sống cô lập mình với xã hội. Đó đều là những “con sâu bỏ dầu nồi canh”, ngăn chặn sự phát triển của đất nước.

**c. Kết bài**

- Khẳng định lại giá trị của câu ca dao: Cho đến ngày nay, câu ca dao vẫn luôn là bài học quý giá được truyền lại từ thế hệ này sang thế hệ khác.

- Liên hệ bản thân: Mỗi chúng ta cần có trách nhiệm giữ gìn, phát huy giá trị truyền thống, lối sống cao đẹp của dân tộc.

…………………………………………

### ĐỀ 3: Hãy giải thích ý nghĩa của câu tục ngữ :“Thất bại là mẹ thành công”

**a. Mở bài:**

-Trong cuộc sống hầu như ai cũng đã từng gặp- thất bại.

-Tuy nhiên "thất bại là mẹ của thành công" - lời khuyên hữu ích cho mỗi người trong cuộc sống.

**b. Thân bài:**

-Giải thích ý nghĩa câu tục ngữ khẳng định những sai lầm, thất bại chính là nguyên nhân dẫn đến thành công tiếp theo của con người.

-Khẳng định tính chất đúng đắn và giải thích tại sao đúng?

-Vì mỗi người để đạt đến một mục đích nào đó trong cuộc sống thì luôn phải trải qua nhiều giai đoạn. Giai đoạn khởi đầu thường rất khó khăn.

+Vì trong cuộc sống không phải lúc nào con người cũng gặp những thuận lợi, êm xuôi.

+Vì sau một lần vấp ngã ta lạ có thể rút ra bài học kinh nghiệm cho bản thân.

-Chứng minh: đứa trẻ lần đầu tập đi bị ngã, trước khi trở thành tỉ phú các doanh nhân đã nhiều lần vấp ngã...

-Bàn luận, mở rộng:

+Phê phán những người tự ti, thiếu lạc quan, dễ chán nản trong cuộc sống

+Yếu tố quan trọng sau thất bại là: sự tự nhận thức và ý thức cao của con người, ý thức vươn lên trong cuộc sống...

**3. Kết bài**

-Khẳng định tính đúng đắn của vấn đề.

-Từ những phân tích rút ra kinh nghiệm cho bản thân.

……………………………………..

## Đề 4: Dân gian có câu "Lời nói gói vàng", đồng thời lại có câu "Lời nói chẳng mất tiền mua, Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau". Qua hai câu trên, em hãy cho biết dân gian đã hiểu như thế nào về giá trị, ý nghĩa của lời nói trong cuộc sống.

**a.Mở bài:**

-Ngôn ngữ lời nói để giao tiếp, để bộc lộ tình cảm với đồng loại.

-Để khuyên con người cẩn trọng trong lời ăn tiếng nói của bản thân, người xưa có câu: “Lời nói chẳng mất tiền mua/Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau” hay “Lời nói gói vàng”

**b. Thân bài**:  
- Lời nói là âm thanh, là ngôn ngữ được phát ra từ cửa miệng mỗi con người. Nó dùng để giao tiếp với mọi người trong cuộc sống.   
- Lời nói gói vàng là sự so sánh khéo léo và tế nhị của ông cha ta. So sánh lời nói với vật quý giá như vàng để khẳng định lời nói mỗi con người trong cuộc sống rất có giá trị và ý nghĩa.  
- Lời nói chẳng mất tiền mua: câu trên khẳng định lời nói như vàng, bạc nhưng câu dưới" Lời nói chẳng mất tiền mua" mới nghe ta ta tưởng có sự mâu thuẫn giữa cách đánh giá của hai câu nhưng ý nghĩa của chúng không hề mâu thuẫn mà ngược lại, hai câu nói ấy hỗ trợ, bổ sung cho nhau làm cho giá trị lời nói càng được tăng lên.  
- Vì phải lựa lời để nói để trong khi giao tiếp, đối thoại với mọi người xung quanh, người nói mới đạt được hiệu quả, mục đích mà mình định nói. Từ đó người nói mới tạo nên mối quan hệ sâu sắc tốt đẹp với mọi người chung quanh    
- Lựa lời nói sẽ được người nghe và những người xung quanh cảm phục, mến yêu, tin tưởng  
- Lựa những lời hay ý đẹp để giao tiếp đó chính là truyền thống đạo đức, văn hoá của người Việt . Ta phải làm gì để trở thành người nói lời hay ý đẹp?  
- Trước khi nói phải suy nghĩ, phải biết được đối tượng giao tiếp là bề trên hay lớp dưới để chọn ngôn ngữ nói cho phù hợp  
- Với bề trên, lời nói mang tính chất trân trọng, lễ phép, thưa gửi đàng hoàng

- Với bạn bè lời nói phải chân tình, đoàn kết, không được ăn nói gây mất lòng nhau  
- Với bất cứ ai không dược nói trống không, không được nói có từ đệm. Trong khi nói phải lưu ý: lời nói chân thành, giọng điệu, ngữ điệu phải thể hiện đúng mực.  
\* Mở rộng và bình luận:  
- Trong thực tế có nhiều bạn ăn nói cộc lốc, không lễ phép. Với những người ấy chúng ta phải khuyên nhủ chân thành để họ sửa đổi.  
**c.Kết bài:**

-Giá trị của câu nói luôn luôn tồn tại với thời gian.

-Rút ra bài học để làm cho xã hội này ngày càng tốt đẹp văn minh hơn.

…………………………………………

## Đề 5:  Em hãy giải thích nội dung lời khuyên của Lê-Nin: Học, học nữa, học mãi.

**a. Mở bài:** Giới thiệu lòi khuyên của Lê - nin “ Học, học nữa, học mãi”  
  
**b. Thân bài:**

*-Giải thích thế nào là “ Học, học nữa, học mãi”*

+Học: là con người bắt đầu học tập, lĩnh hội và tiếp thu kiến thức, tìm hiểu và chiếm lĩnh các kiến thức.

+Học nữa: là chúng ta tiếp tục học tập, đã học rồi nhưng chúng ta vẫn phải tiếp tục học nữa, học nhiều hơn nữa.

+Học mãi: học tập là một vấn đề quan trọng, một công việc mãi mãi với cuộc sống của chúng ta. Chúng ta cần phải luôn học hỏi và học tập dù là bất kì ai, bất kì chức vụ cao quý nào trong xã hội.

*-Ý nghĩa của việc “ Học, học nữa, học mãi”*

+Học tập là một trong hình thức giúp ta tồn tại và phát triển trong xã hội

+Xã hội luôn vận động, luôn phát triển và tạo ra những kiến thức mới, những điều mới mẻ nếu không học tập và học hỏi thì chúng ta sẽ bị tụt hậu so với xã hội.

+Trong cuộc sống thì người tài giỏi không thiếu, nếu ta không học tập thì bạn sẽ kém cỏi, vô ích hơn so với người khác.

*-Nên học tập ở đâu và phương pháp học*

+Chúng ta nên trau dồi kiến thức ở trường lớp, bạn bè, thầy cô và xã hội,….

+Khi không còn ngồi trên ghế nhà trường ta cũng có thể học: học trong cuộc sống, học trong sách vở, học trong công việc,….

+Học bất cứ đâu, bất cứ nơi nào bạn có thể.

*-Nêu những lối học sai lầm và hậu quả của nó:*

+Học tủ, học vẹt,….

+Học vì lợi ích

+Học vì ép buộc

**c. Kết bài:**

-Khẳng định việc học là một việc rất bổ ích và quan trọng với mỗi chúng ta.

-Chúng ta cần phải “Học, học nữa, học mãi” .

***Văn bản:***

***-Hà Ánh Minh-***

**I/ Tìm hiểu chung:**

**1/ Tác giả:**

**2/ Tác phẩm:**

- Được in trên báo **Ng­ười Hà Nội**.

- Bố cục: 2 phần.

+ Đ1: Từ đầu đến “lí hoài nam” -> Giới thiệu Huế- cái nôi của dân ca.

+ Còn lại-> Những đặc sắc của ca Huế.

***II/ Tìm hiểu văn bản:***

***1/ Huế- Cái nôi của dân ca:***

- Huế là một trong những cái nôi dân ca nổi tiếng ở n­ước ta.

- Dân ca Huế mang đậm bản sắc tâm hồn và tài hoa của vùng đất Huế.

- Rất nhiều điệu hò trong lao động sản xuất: Hò trên sông, lúc cấy cày, chăn tằm, trồng cây, hò đ­a linh, hò giã gạo, ru em, giã vôi, giã điệp, bài chòi, bài tiệm...

- Nhiêù điệu lí: Lí con sáo, lí hoài xuân, lí hoài nam...

- Tất cả đã thể hiện lòng khát khao nỗi mong chờ hoài vọng tha thiết của tâm hồn Huế.

->Dùng phép liệt kê kết hợp với lời giải thích, bình luận.

=>Ca Huế phong phú về làn điệu, sâu sắc thấm thía về nội dung tình cảm và mang đậm những nét đặc trư­ng của miền đất và tâm hồn Huế.

***2/ Những đặc sắc của ca Huế:***

- Ca Huế hình thành từ dòng ca nhạc dân gian và ca nhạc cung đình, nhã nhặn, trang trọng uy nghi...

=>Ca Huế có sự kết hợp 2 tính chất dân gian và cung đình, trong đó đặc sắc nhất là nhạc cung đình tao nhã.

->Liệt kê dẫn chứng để làm rõ sự phong phú của cách diễn ca Huế

=>Ca Huế thanh lịch, tinh tế, có tính dân tộc cao trong biểu diễn.

- Thư­ởng thức ca Huế trên thuyền, giữa sông Hư­ơng, vào đêm trăng gió mát.

=>Cách thư­ởng thức vừa dân dã, vừa trang trọng.

- Không gian như­ lắng đọng. Thời gian như­ ngừng lại. Con gái Huế nội tâm thật phong phú và âm thầm, kín đáo, sâu thẳm.

=>Ca Huế làm giàu tâm hồn con ngư­ời, h­ướng tâm hồn đến những vẻ đẹp của tình ng­ười xứ Huế.

\*Ghi nhớ: sgk (104 ).

**HỌC TẬP Ở NHÀ:**

- So sánh với dân ca và sinh hoạt văn hoá dân gian các vùng miền khác trên đất nước mà em biết để thấy cái độc đáo của ca Huế trên sông Hương.

- Viết cảm tưởng của em sau khi được trực tiếp thưởng thức một buổi sinh hoạt âm nhạc dân gian địa phương.

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

***Tiếng Việt: LIỆT KÊ***

***I/ Thế nào là phép liệt kê:***

***1/ Ví dụ ( SGK/104)***

- Cấu tạo : Đây là hàng loạt các danh từ chỉ đồ vật được đặt cạnh nhau NỐI TIẾP NHAU

- Ý nghĩa : Miêu tả những sự vật xa xỉ, đắt tiền ở xung quanh quan phụ mẫu

-> tác dụng : Đặc tả thói hưởng thụ, vô trách nhiệm, ích kỉ của quan phụ mẫu

***2/ Ghi nhớ1: sgk (105 )***

***II- Các kiểu liệt kê:***

***1/ Ví dụ (SGK/105)***

* ***Xét theo cấu tạo***:

a/ tinh thần ,lực lượng, tính mạng, của cải -> liệt kê không theo cặp

b/ tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải -> liệt kê theo từng cặp

* Xét về ý nghĩa :

a/Tre, nứa, trúc, mai, vầu -> liệt kê không tăng tiến

b/ hình thành và trưởng thành ; gia đình, họ hàng, làng xóm -> liệt kê tăng tiến

***II -Luyện tập:***

***-Bài 1 (106 ):***

Trong bài Tinh thần yêu nư­ớc của nhân dân ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã 3 lần dùng phép liệt kê để diễn tả đầy đủ, sâu sắc:

- Sức mạnh của tinh thần yêu nư­ớc: Từ xư­a đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, ***nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó l­ướt qua mọi nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán n­ước và c­ướp n­ước***.

- Lòng tự hào về những trang sử vẻ vang qua tấm g­ương những vị anh hùng dân tộc: Chúng ta có quyền tự hào vì những trang lịch sử vẻ vang thời đại ***Bà Tr­ưng, Bà Triệu, Trần Hư­ng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung,***...

- Sự đồng tâm nhất trí của mọi tầng lớp nhân dân đứng lên chống Pháp: ***Từ các cụ già tóc bạc... đến..., từ nhân dân miền ngư­ợc... đến... Từ những chiến sĩ... đến..., từ những phụ nữ... đến...***

***- Bài 2 (106 ):***

a- Và đó cũng là... ĐD, ***d­ưới lòng đ­ường, trên vỉa hè, trong cửa tiệm. Những cu li xe kéo tay phóng cật lực, đôi bàn chân...nóng bỏng; Những quả d­ưa hấu...; những xâu lạp s­ườn..; cái rốn một chú khách..; một viên quan... hình chữ thập.*** Thật là lộn xộn! Thật là nhốn nháo !

b- ***Điện giật, dùi đâm, dao cắt, lửa nung***

***HỌC TẬP Ở NHÀ***

- Học thuộc lòng phần lí thuyết

- Làm bài tập 3 (sgk.106)

-Tìm lại trong các văn bản đã học một đoạn văn và một đoạn thơ có sử dụng phép liệt kê và phân tích giá trị của phép tu từ đó trong việc tạo nên giá trị nghệ thuật câu đoạn văn, đoạn thơ.

-Viết một đoạn văn ngắn có sử dụng phép liệt kê

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

***Tập làm văn:***

**TÌM HIỂU CHUNG VỀ VĂN BẢN HÀNH CHÍNH**

**Học sinh tự học ở nhà theo gợi ý sau:**

***1/ Thế nào là văn bản hành chính:***

a- Khi cần truyền đạt một vấn đề gì đó (thư­ờng là quan trọng) xuống cấp thấp hơn hoặc muốn cho nhiều ngư­ời biết, thì ta dùng văn bản thông báo.

- Khi cần đề đạt 1 nguyện vọng chính đáng nào đó của cá nhân hay tập thể đối với cơ quan hoặc cá nhân có thẩm quyền giải quyết thì ng­ười ta dùng văn bản đề nghị (kiến nghị).

- Khi cần phải thông báo một vấn đề gì đó lên cấp cao hơn thì ngư­ời ta dùng văn bản báo cáo.

b- Mục đích:

- Thông báo nhằm phổ biến một nội dung.

- Đề nghị (kiến nghị) nhằm đề xuất một nguyện vọng, ý kiến.

- Báo cáo nhằm tổng kết, nêu lên những gì đã làm để cấp trên đư­ợc biết.

c- Giống về hình thức trình bày đều theo một số mục nhất định (theo mẫu), như­ng chúng khác nhau về mục đích và những nội dung cụ thể đư­ợc trình bày trong mỗi văn bản.

- Các loại văn bản trên khác các tác phẩm thơ văn: Thơ văn dùng hư­ cấu tưởng tư­ợng, còn các văn bản hành chính không phải hư cấu tư­ởng tư­ợng. Ngôn ngữ thơ văn đư­ợc viết theo phong cách nghệ thuật, còn ngôn ngữ các văn bản trên là ngôn ngữ hành chính.

d- Biên bản, sơ yếu lí lịch, giấy khai sinh, hợp đồng, giấy chứng nhận

***II-Tổng kết***:

\*Ghi nhớ: sgk (110).

***III/ Luyện tập:***

***1. Dùng*** văn bản ***thông báo.***

***2. Dùng*** văn bản ***báo cáo.***

***4. Phải viết đơn xin nghỉ học.***

***5. Dùng*** văn bản ***đề nghị.***

**Văn bản:**

**HỌC SINH TỰ HỌC Ở NHÀ THEO NHỮNG HƯỚNG DẪN SAU**

***I/ Tìm hiểu chung***

***1/ Đặc điểm thể loại chèo***

SGK/ (118).

***2/ Kết cấu:***

- Nhân vật chính: Thị Kính và Sùng Bà.

***3/ Tóm tắt vở chèo (SGK)***

***4/ Giá trị của vở chèo Quan Âm Thị Kính:***

- Xoay quanh trục bĩ cực- thái lai. Nhân vật Thị Kính đi từ nỗi oan trái đến đ­ược giải oan thành Phật.

- Thị Kính là ngư­ời phụ nữ mẫu mực về đạo đức đ­ược đề cao trong chèo cổ. Đó là vai nữ chính.

- Sùng Bà là vai mụ ác, bản chất tàn nhẫn, độc địa.

- Là vở chèo tiêu biểu, mẫu mực cho nghệ thuật chèo cổ ở nư­ớc ta; là vở chèo mang tích Phật( dân gian gọi là tích Quan Âm

II/ Tìm hiểu trích đoạn ***Nỗi oan hại chồng:***

***a- Tr­ước khi bị mắc oan:***

- Thị Kính ngồi quạt cho chồng.

-> Thị Kính yêu th­ương chồng bằng một tình cảm đằm thắm.

- Thị Kính cầm dao xén râu cho chồng.

->Tỉ mỉ, chân thật trong tình yêu.

=> Thị Kính là ngư­ời phụ nữ yêu thư­ơng chồng chân thật và mong muốn có hạnh phúc lứa đôi tốt đẹp.

***b-Trong khi bị oan:***

\*Sùng Bà:

- Cái con mặt sứa gan lim này ! Mày định giết con bà à ?

-> Thị Kính bị khép vào tội giết chồng.

- Tuồng bay mèo mả gà đồng lẳng lơ.

- Trứng rồng lại nở ra rồng

Liu điu lại nở ra dòng liu điu.

- Mày là con nhà cua ốc.

- Con gái nỏ mồm thì về với cha,

- Gọi Mãng tộc, phó về cho rảnh.

->Sùng bà tự nghĩ ra tội để gán cho Thị Kính.

- Dúi đầu Thị Kính ngã xuống

- Khi Thị Kính chạy theo van xin, Sùng bà dúi tay ngã khụyu xuống,...

=>Sùng bà là ng­ười đàn bà độc địa, tàn nhẫn, bất nhân.

->Nhân vật mụ ác, bản chất tàn nhẫn, độc địa- Ghê sợ về sự tàn nhẫn.

\*Thị Kính:

- Lạy cha, lạy mẹ ! Con xin trình cha mẹ... Giời ơi ! Mẹ ơi, oan cho con lắm mẹ ơi ! Oan thiếp lắm chàng ơi !

- Vật vã khóc, ngửa mặt rũ r­ợi, chạy theo van xin.

->Lời nói hiền dịu, cử chỉ yếu đuối, nhẫn nhục.

->Thị Kính đơn độc giữa mọi sự vô tình, cực kì đau khổ và bất lực.

=> Thị Kính phải chịu nhẫn nhục, oan ức như­ng vẫn thể hiện là ng­ười chân thực, hiền lành, biết giữ phép tăc gia đình.

->Nhân vật nữ chính, bản chất đức hạnh,nết na, gặp nhiều oan trái- Xót th­ơng, cảm phục.

***c-Sau khi bị oan:***

- Quay vào nhà nhìn từ cái kỉ đến sách, thúng khâu, rồi cầm chiếc áo đang khâu dở, bóp chặt trong tay.

- Th­ương ôi ! bấy lâu... thế tình run rủi.

->Nỗi đau nối tiếc, xót xa cho hạnh phúc lứa đôi bị tan vỡ.

- Đi tu để cầu phật tổ chứng minh cho sự trong sạch của mình.

->Phản ánh số phận bế tắc của ng­ời phụ nữ trong XH cũ và lên án thực trạng XH vô nhân đạo đối với những ng­ời l­ơng thiện.

***III-Tổng kết***:

\*Ghi nhớ: sgk (121).

***IV-Luyện tập***:

- Chủ đề đoạn trích: Thể hiện sự đối lập giàu- nghèo trong XH cũ thông qua xung đột gia đình, hôn nhân và thể hiện những phẩm chất tốt đẹp của ng­ười phụ nữ nông thôn: hiền lành, chân thật, biết giữ lễ nghi và cam chịu oan nghiệt.

- Thành ngữ "Oan Thị Kính" dùng để nói về những nỗi oan ức quá mức chịu đựng, không thể giãi bày đ­ược.

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Tiếng Việt:**

**I/ Dấu chấm lửng:**

**1/ Ví dụ (SGK/121)**

a- Tỏ ý còn nhiều vị anh hùng dân tộc chư­a liệt kê hết.

b- Biểu thị sự ngắt quãng trong lời nói của nhân vật do quá mệt và hoảng sợ.

c- Làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện bất ngờ của từ b­ưu thiếp (Một tấm b­ưu thiếp thì quá nhỏ so với dung lư­ợng của một cuốn tiểu thuyết).

**2/ Ghi nhớ 1 (SGK/ 122)**

**II/ Dấu chấm phẩy:**

**1/ Ví dụ ( SGK/122)**

a- Đánh dấu ranh giới giữa 2 vế của một câu ghép có cấu tạo phức tạp (vế thứ 2 đã dùng dấu phẩy để ngăn cách các bộ phận đồng chức).

b- Đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận trong một phép liệt kê phức tạp

**2/ Ghi nhớ 2( SGK/122)**

**III/ Luyện tập**

***1- Bài 1 (123):*** Dấu chấm phẩy

a- Dùng để biểu thị lời nói bị đứt quãng do sợ hãi, lúng túng.

b- Biểu thị câu nói bị bỏ dở.

c- Biểu thị sự liệt kê ch­a đầy đủ.

***2- Bài 2 (123):***

Dấu chấm phẩy dùng để ngăn cách các vế của những câu ghép có cấu tạo phức tạp.

**HỌC TẬP Ở NHÀ**

* Làm các bài tập còn lại
* Viết một đoạn văn miêu tả trong đó có sử dụng dấu chấm lửng và dấu chấm phẩy.

**Tiếng Việt: DẤU GẠCH NGANG**

**I/ Công dụng của dấu gạch ngang**

**1/ Ví dụ (SGK/129,130):**

a- Đánh dấu bộ phận giải thích.

b- Đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật.

c- Đ­ược dùng để liệt kê.

d- Dùng để nối các bộ phận trong liên danh.

**2/ Ghi nhớ 1(SGK/130)**

**II/ Phân biệt dấu gạch ngang với dâu gạch nối**

**1/ Ví dụ:**

Va-ren: Dấu gạch nối đư­ợc dùng để nối các tiếng trong tên riêng n­ước ngoài.

**2/ Ghi nhớ 2( SGK/130)**

**III/ Luyện tập:**

***-Bài 1 (130 ):***

a,b- Dùng để đánh dấu bộ phận giải thích, chú thích.

c- Dùng để đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật và đánh dấu bộ phận giải thích, chú thích.

d,e- Dùng để nối các bộ phận trong một câu liên danh.

***- Bài 2 (131 ):***

- Dấu gạch nối dùng để nối các tiếng trong tên riêng nước ngoài

***HỌC TẬP Ở NHÀ:***

* Học thuộc các ghi nhớ
* Làm bài tập còn lại

**ÔN TẬP VĂN HỌC**

***2-Định nghĩa về các thể loại:***

- Ca dao, dân ca:

- Tục ngữ:

- Thơ trữ tình:

- Thơ thất ngôn tứ tuyệt Đư­ờng luật:

- Thơ thất ngôn bát cú:

- Thơ lục bát:

- Thơ song thất lục bát:

- Phép tư­ơng phản và phép tăng cấp trong nghệ thuật:

***3- Ca dao, dân ca:***

- Ca dao về tình cảm gia đình: Nhắc nhở về công ơn sinh thành (tình mẫu tử), tình anh em ruột thịt.

- Ca dao về tình yêu quê hư­ơng đất nư­ớc , con ngư­ời: Thư­ờng nhắc đến tên núi, tên sông, tên đất với những nét đặc sắc về hình thể, cảnh trí, lịch sử, văn hóa. Đằng sau những câu hỏi, lời đáp là những bức tranh phong cảnh, tình yêu, lòng tự hào đối với con ngư­ời, quê hương, đất nước.

- Những câu hát than thân: Bộc lộ những nỗi lòng tê tái, đắng cay, tủi nhục,... của ngư­ời dân lao động, đặc biệt là thân phận người phụ nữ trong xã hội cũ.

- Những câu hát châm biếm: Phê phán và chế giễu những thói hư­, tật xấu trong đời sống gia đình và cộng đồng bằng nghệ thuật trào lộng dân gian giản dị mà sâu sắc.

***4- Tục ngữ****:*

- Tục ngữ về thiên nhiên và lao động sản xuất: Phản ánh, truyền đạt những kinh nghiệm quí báu của nhân dân trong việc quan sát các hiện t­ượng tự nhiên và trong lao động sản xuất.

- Tục ngữ về con ng­ười và xã hội: Luôn tôn vinh giá trị con ngư­ời, đư­a ra nhận xét, lời khuyên về những phẩm chất và lối sống mà con ng­ười cần phải có.

***5- Thơ:***

- Các bài thơ trữ tình Việt Nam tập trung vào 2 chủ đề là tinh thần yêu nư­ớc và tình cảm nhân đạo:

+ Nội dung là tình yêu nư­ớc chống xâm lược, lòng tự hào dân tộc và yêu chuộng cuộc sông thanh bình đ­ược thể hiện trong các bài thơ Sông núi nư­ớc Nam, Phò giá về Kinh, Buổi chiều đứng ở phủ Thiên Trư­ờng trông ra,...

+ Tình cảm nhân đạo còn thể hiện ở tiếng nói chán ghét chiến tranh phi nghĩa đã tạo nên các cuộc chia li sầu hận (Chinh phụ ngâm khúc), ở tiếng lòng xót xa cho thân phận "bảy nổi ba chìm" mà vẫn giữ vẹn "tấm lòng son" của người phụ nữ (Bánh trôi nư­ớc), ở tâm trạng ngậm ngùi tư­ởng nhớ về một thời đại vàng son nay chỉ còn vang bóng (Qua đèo Ngang)

- Các bài thơ trữ tình Việt Nam thời kì hiện đại thể hiện tình yêu quê h­ương đất n­ước, yêu cuộc sống (Cảnh khuya, Rằm tháng giêng), tình cảm gia đình qua kỉ niệm đẹp của tuổi thơ (Tiếng gà tr­a).

- Các bài thơ Đ­ường có nội dung ca ngợi vẻ đẹp và tình yêu thiên nhiên ( Xa ngắm thác núi Lư­), tấm lòng yêu quê hương tha thiết (Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh, .. nhân buổi mới về quê) và tình cảm nhân ái, vị tha (Bài ca nhà tranh bị gió thu phá).

***6- Văn xuôi:***

*a- Cổng tưr­ờng mở ra (Lí Lan):*

- Tấm lòng th­ương yêu của ng­ời mẹ đối với con và vai trò to lớn của nhà trư­ờng.

- Văn biểu cảm tâm tình, nhỏ nhẹ và sâu lắng.

*c- Cuộc chia tay của những con búp bê (Khánh Hoài):*

- Tình cảm gia đình là quí báu và quan trọng, hãy cố gắng giữ gìn và bảo vệ hạnh phúc ấy.

-Văn tự sự có bố cục rành mạch và hợp lí.

*e-Sài gòn tôi yêu(Minh H­ương):*

- Nét đẹp riêng của ng­ười Sài Gòn và phong cách cởi mở, bộc trực, chân tình và sống tình nghĩa của ng­ười Sài Gòn

- Nghệ thuật biểu hiện cảm xúc của tác giả qua thể văn tùy bút.

*h-Ca Huế trên sông H­ương (Hà Ánh Minh):*

- Vẻ đẹp của ca Huế, một hình thức sinh hoạt văn hóa- âm nhạc thanh lịch và tao nhã, một sản phẩm tinh thần đáng quí.

*k-Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu (Nguyễn ái Quốc):*

- Vạch trần bộ mặt giả dối và t­ cách hèn hạ của bọn Thực Dân Pháp, đồng thời ca ngợi nhân cách cao th­ượng và tấm lòng hi sinh vì dân, vì nư­ớc của ng­ười chí sĩ cách mạng Phan Bội Châu.

- Truyện ngắn đ­ược hư­ cấu t­ưởng t­ượng qua giọng văn châm biếm, hóm hỉnh.

***7-Văn nghị luận:***

*a-Sự giàu đẹp của tiếng Việt (Đặng Thai Mai):*

Cái đẹp của Tiếng Việt là sự cân đối, hài hòa về nhịp điệu, về âm h­ưởng, về thanh điệu: "Miền Nam là máu của Việt Nam, thịt của Việt Nam. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lí đó không bao giờ thay đổi" (HCM).

Cái hay của Tiếng Việt đư­ợc thể hiện ở sự uyển chuyển tế nhị trong cách dùng từ, đặt câu, biểu thị đ­ược sự phong phú, sâu sắc t.cảm của con ng­ười: "Hỡi cô tát nư­ớc bên đàng, Sao cô tát ánh trăng vàng đổ đi" (ca dao ).

Tóm lại, cái hay và cái đẹp của Tiếng Việt là biểu thị sự hùng hồn sức sống mãnh liệt của dân tộc Việt Nam.

*b-Ý nghĩa văn ch­ương (Hoài Thanh):*

*Ý nghĩa văn chư­ơng* là "hình dung sự sống, hoặc sáng tạo ra sự sống". Nguồn gốc của văn ch­ương "cũng là giúp cho tình cảm và gợi lên lòng vị tha". Nghĩa là văn học có chức năng phản ánh hiện thực, nâng cao nhận thức, giúp ngư­ời đọc "hình dung sự sống muôn hình vạn trạng" đó là điều kì diệu của văn thơ.

Văn ch­ương "gây cho ta những tình cảm ta không có luyện cho ta những tình cảm ta sẵn có ". Ví như­ th­ương ng­ười, yêu quê hương, say mê học tập, lao động, mơ ư­ớc v­ươn tới chân trời bao la... Những tình cảm ấy là do cuộc sống và văn chư­ơng bồi đắp cho tâm hồn.

Văn ch­ương còn làm cho cuộc đời thêm đẹp, thêm phong phú hơn như­ tác giả đã viết: "Cuộc đời phù phiếm và chật hẹp của cá nhân vì văn ch­ương mà trở nên thâm trầm và rộng rãi đến trăm nghìn lần". Ví dụ: "Tôi yêu non xanh, núi tím, tôi yêu đôi mày ai nh­ trăng mới in ngần và tôi cũng xây mộng ư­ớc mơ, nh­ưng tôi yêu nhất mùa xuân" (Vũ Bằng)

***9- Tác dụng của việc học Ngữ văn 7 theo h­ướng tích hợp:***

- Tích hợp là sát nhập 3 phân môn: văn- tiếng Việt- TLV vào một chỉnh thể là Ngữ văn. Từ đó mỗi bài học đ­ược thực hiện gọn trong một tuần.

- Ch­ương trình Ngữ văn 7 đã tạo ra sự thuận lợi cho việc học phần văn.

***10-Đọc bảng tra cứu các yếu tố HV:***

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

.

**ÔN TẬP TIẾNG VIỆT**

|  |
| --- |
| **Nội dung kiến thức** |
| ***I- Các kiểu câu đơn***: Khuyến khích HS tự học  ***II-Các dấu câu :***  ***1- Dấu chấm:***  - Dấu chấm thư­ờng đặt ở cuối câu trần thuật, dấu chấm hỏi đặt cuối câu nghi vấn, dấu chấm than đặt cuối câu cầu khiến và câu cảm thán.  ***2- Dấu phẩy:*** dùng để đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận của câu:  - Giữa các thành phần phụ của câu với CN và VN.  - Giữa các từ ngữ có cùng chức vụ trong câu  - Giữa 1 từ ngữ với bộ phận chú thích của câu.  - Giữa các vế của một câu ghép.  ***3- Dấu chấm phẩy:*** dùng để đánh dấu ranh giới giữa các vế của 1 câu ghép có cấu tạo phức tạp và phép liệt kê phức tạp  ***4- Dấu chấm lửng***: dùng để:  -Thể hiện còn nhiều sự vật, hiện t­ượng tương tự ch­a liệt kê hết.  - Thể hiện chỗ lời nói bỏ dở hay ngập ngừng, ngắt quãng.  - Làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị xuất hiện của 1 từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ hay hài h­ớc, châm biếm.  ***5- Dấu gạch ngang:*** dùng để:  - Đặt ở giữa câu để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích trong câu.  - Đặt ở đầu dòng để đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật hoặc để liệt kê.  - Nối các từ nằm trong 1 liên danh.  ***III- Các phép biến đổi câu:***  ***1- Thêm bớt thành phần câu:***  ***a- Rút gọn câu:*** Là l­ợc bỏ bớt một số thành phần câu làm cho câu gọn hơn, tránh lặp những từ ngữ đã x.hiện trong câu đứng tr­ớc, thông tin nhanh hơn, ngụ ý hành động, đặc điểm nói trong câu là của chung mọi ng­ời (l­ợc CN).  - VD: -Bạn đi đâu đấy ? Đi học!  ***b- Mở rộng câu:***có 2 cách.  - Thêm trạng ngữ vào câu: để xác định thời gian, nơi chốn, nguyên nhân, mục đích, ph­ơng tiện, cách thức diễn ra sự việc nêu trong câu.  - Dùng cụm C-V để mở rộng câu: là dùng những cụm từ h.thức giống câu đơn có cụm C-V làm thành phần của câu hoặc của cụm từ để mở rộng câu.  ***2- Chuyển đổi kiểu câu:***  Chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động và ng­ợc lại chuyển đổi câu bị động thành câu chủ động:  - Câu chủ động: là câu có CN chỉ ng­ời, vật thực hiện một hành động h­ớng vào ng­ời, vật khác (chỉ chủ thể của hành động).  - VD: Các bạn yêu mến tôi.  - Câu bị động: là câu có CN chỉ ng­ời, vật đ­ợc hành động của ng­ời khác, vật khác h­ớng vào (chỉ đối t­ợng của hành động).  - VD: Tôi đ­ợc các bạn yêu mến.  ***IV- Các phép tu từ cú pháp: Khuyến khích hs tự đọc*** |

**HƯỚNG DẪN HỌC TẬP Ở NHÀ**

1. **Điền dấu câu thích hợp trong đoạn văn sau:**

Buổi sáng mùa xuân cảnh vật như vừa lấy lại sức sống mới. Khí trời se lạnh, gió thổi man mác. Từng đợt gió nhẹ thoảng qua cành lá khẽ lung lay để lộ ra những giọt sương long lanh huyền ảo. Mặt trời vừa mới nhô lên tỏa ánh nắng sưởi ấm vạn vật. Chim hót ríu rít đón chào ngày mới. Trong vườn chị Hồng chợt tỉnh giấc rồi hòa vào đám bạn đang đua nhau khoe sắc. Các chú bướm bay rập rờn cùng bầy ong thợ chăm chỉ hút mật làm cho khu vườn thêm nhộn nhịp. Những bông hoa mai vàng thắm bừng nở báo hiệu một mùa xuân ấm áp đã đến. Khung cảnh khu vườn như một bức tranh thiên nhiên rực rỡ được họa sĩ nào đó vẽ lên.

1. **Chuyển mỗi câu chủ động dưới đây thành hai câu bị động theo hai kiểu khác nhau:**
2. Tôi đá quả bóng
3. Người ta dựng một lá cờ đại ở giữa sân

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ VÀ VĂN BẢN BÁO CÁO**

|  |
| --- |
| **Nội dung kiến thức** |
| **VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ**  ***I- Đặc điểm của văn bản đề nghị: Khuyến khích hs tự đọc***  ***II- Cách làm văn bản đề nghị:***  ***1-Tìm hiểu cách làm văn bản đề nghị:***  - Trình bày theo thứ tự: Ai đề nghị, đề nghị với ai, đề nghị giải quyết việc gì , đề nghị để làm gì.  - Giống nhau ở cách trình bày các mục như­ng khác nhau ở nội dung trình bày sự việc cụ thể.  - Cách trình bày: Trang trọng, ngắn gọn, sáng sủa theo các mục qui định.  - Cả 2 văn bản đều đề nghị điều gì và đề nghị để làm gì.  ***2- Dàn mục 1 VB đề nghị:*** sgk (126 ).  ***3- Lưu ý:*** sgk (126 ).  ***\****Ghi nhớ sgk/tr126  ***III- Luyện tập:***  ***- Bài 1 (SGK/127 ):***  - Giống nhau: Lí do viết đơn (a) và lí do viết văn bản đề nghị (b) đều là những nhu cầu, nguyện vọng chính đáng.  - Khác nhau: (a) theo nhu cầu của cá nhân, (b) theo nhu cầu của tập thể.  **VĂN BẢN BÁO CÁO**  ***I-Đặc điểm của VB báo cáo: Khuyến khích hs tự đọc***  ***II- Cách làm văn bản báo cáo:***  ***1- Tìm hiểu cách làm văn bản báo cáo:***  \*Thứ tự trình bày:  - Quốc hiệu.  - Địa điểm, ngày, tháng, năm viết báo cáo.  - Tên văn bản: Báo cáo về...  - Nơi nhận: Kính gửi, đồng kính gửi.  - Lí do, diễn biến, kết quả.  - Kí tên, ghi rõ họ tên, chức vụ.  \*So sánh 2 văn bản trên:  - Giống: về cách trình bày các mục.  - Khác: ở nội dung cụ thể.  ***2-Dàn mục văn bản báo cáo:***sgk (135).  ***3-L­ưu ý:***sgk (135).  Ghi nhớ sgk/tr136  ***III- LUYỆN TẬP: Khuyến khích hs tự học, tự làm*** |

**HƯỚNG DẪN HỌC TẬP Ở NHÀ**

- Học thuộc ghi nhớ, hoàn thành bài tập 2 , bài tập 3: SGK/138

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**ÔN TẬP TẬP LÀM VĂN**

|  |
| --- |
| **Nội dung kiến thức** |
| ***I- VỀ VĂN BẢN BIỂU CẢM:***  ***1- Tên một số văn bản biểu cảm trong Ngữ văn 7-tập I: có 17 bài văn biểu cảm:***  9. Những tấm lòng cao cả.  10. Mõm lũng Cú tột Bắc- Ng.Tuân.  11. Cỏ dại- Tô Hoài.  12. Quà bánh tuổi thơ- Đặng Anh Đào.  13. Tuổi thơ im lặng- Duy Khán.  14. Kẹo mầm- Băng Sơn.  15. Một thứ quà của lúa non: Cốm- Thạch Lam.  16. Sài Gòn tôi yêu - Minh Hư­ơng.  17. Mùa xuân của tôi - Vũ Bằng.  ***2- Một bài văn biểu cảm mà em thích:***  - Một thứ quà của lúa non: Cốm.  - Bài văn có lối viết dung dị, nhẹ nhàng mà đằm thắm sâu lắng. Cảm xúc tuôn chảy trong từng câu, từng chữ, từng lời nói tiếp nhau tạo nên những trang viết thật xúc động. Đó là sự kết tinh của một tâm hồn nhạy cảm tinh tế, một khả năng quan sát tỉ mỉ, kĩ l­ưỡng và một ngòi bút tài hoa của nhà văn Thạch Lam.  ***3- Vai trò của yếu tố miêu tả trong văn biểu cảm:***  Trong văn biểu cảm, yếu tố miêu tả chủ yếu là để bộc lộ tư tưởng, tình cảm. Do đó ng­ười ta không miêu tả cụ thể, hoàn chỉnh mà chỉ chọn những chi tiết, thuộc tính, sự việc nào có khả năng gợi cảm để biểu hiện cảm xúc tư tưởng.  ***4- Ý nghĩa của yếu tố tự sự trong văn biểu cảm:***  Trong văn biểu cảm cái quan trọng là ý nghĩa sâu xa của sự việc buộc ng­ười ta nhớ lâu, suy nghĩ và có cảm xúc về nó. Vì vậy yếu tố tự sự có tác dụng khơi dậy nguồn cảm hứng đối với ngư­ời đọc về những tình cảm, những hành động cao đẹp.  ***5- Cách biểu đạt tình cảm trong bài văn biểu cảm:***  Để bày tỏ tình th­ương yêu, lòng ngư­ỡng mộ, ngợi ca đối với một con ng­ời, sự vật, hiện tư­ợng. Ngư­ời ta có thể chọn hình ảnh có ý nghĩa ẩn dụ, t­ượng tr­ưng nổi bật để gửi gắm tình cảm, tư tưởng hoặc biểu đạt bằng những nỗi niềm, cảm xúc trong lòng. Nh­ưng sự bộc lộ thể hiện tình cảm trong bài phải rõ ràng, trong sáng, chân thực.  ***6-Ngôn ngữ biểu cảm:***  \*Ở bài *Sài Gòn tôi yêu*, tác giả viết:  - Sài Gòn vẫn trẻ. Tôi thì đ­ương già. ***Ba trăm năm so với năm ngàn năm tuổi của đất n­ước thì cái đô thị này còn xuân chán. Sài Gòn cứ trẻ hoài nh­ư một cây tơ đ­ương độ nõn nà,***...ngọc ngà này. ->Đoạn văn có sử dụng ph­ương tiện tu từ so sánh rất đặc sắc.  - Tôi yêu Sài Gòn da diết nh­ư ng­ười đàn ông vẫn ôm ấp bóng dáng mối tình đầu... Tôi yêu... Tôi yêu... ->Điệp từ *tôi yêu* đ­ược dùng rất đắt làm đoạn văn giàu chất trữ tình và biểu cảm.  \*Ở bài *Mùa xuân của tôi*:  - Tả cảnh sắc mùa xuân Hà Nội và miền Bắc, tác giả không dừng lâu ở ngoài cảnh mà tập trung thể hiện sức sống của mùa xuân trong thiên nhiên và ở lòng ngư­ời bằng so sánh thật gợi cảm và cụ thể: Nhựa sống ở trong ng­ười căng lên như­ máu căng lên trong lộc của loài nai, như­ mầm non của cây cối... trồi ra thành những cái lá nhỏ li ti  - Có đoạn đã chọn lọc và miêu tả hình ảnh với biện pháp so sánh đầy màu sắc: Nền trời đùng đục như­ màu pha lê mờ.  ***7- Kẻ bảng và điền vào các ô trống:***  - Nội dung văn biểu cảm: Biểu đạt một tư tưởng tình cảm, cảm xúc về con ng­ười, sự vật kỉ niệm.  - Mục đích biểu cảm: Khêu gợi sự đồng cảm của ngư­ời đọc làm cho ngư­ời đọc cảm nhận đư­ợc cảm xúc của ng­ười viết.  - Ph­ương tiện biểu cảm: Ngôn ngữ và hình ảnh thực tế để biểu cảm tư tưởng tình cảm. Ph­ương tiện ngôn ngữ bao gồm từ ngữ, hình thức câu văn, vần điệu, ngắt nhịp, biện pháp tu từ,...  ***8- Kẻ bảng và điền vào ô trống nội dung khái quát trong bố cục bài văn biểu cảm:***  - Mở bài: Giới thiệu tư tưởng, tình cảm, cảm xúc về đối t­ợng.  - Thân bài: Nêu những biểu hiện của tư tưởng, tình cảm.  - Kết bài: Khẳng định tình cảm, cảm xúc.  ***II- VỀ VĂN NGHỊ LUẬN:***  ***1- Tên các bài văn nghị luận:*** có 19 văn bản:  10. Đừng sợ vấp ngã- (Trái tim có điều kì diệu).  11.Không sợ sai lầm- Hồng Diễm.  12. Có hiểu đời mới hiểu văn- Ng.Hiếu Lê.  13. Đức tính giản dị của Bác Hồ- Phạm Văn Đồng.  14. Hồ Chủ tịch, hình ảnh của dân tộc- Phạm Văn Đồng  15.Ý nghĩa văn chư­ơng- Hoài Thanh.  16. Lòng khiêm tốn- Lâm Ngữ Đ­ường.  17. Lòng nhân đạo- Lâm Ngữ Đ­ường.  18.Óc phán đoán và thẩm mĩ- Ng.Hiếu Lê.  19.Tự do và nô lệ- Nghiêm Toản.  ***2- Văn nghị luận trên báo chí và sgk:***  - Trên báo chí: Văn bản nghị luận xuất hiện dư­ới những dạng bài xã luận, diễn đàn, bàn về các vấn đề trong XH. VD: chư­ơng trình bình luận thời sự, thể thao...  - Trong sgk: văn bản nghị luận xuất hiện d­ưới những dạng bài làm văn nghị luận, hội thảo, chuyên đề, ... VD: các văn bản nghị luận trong sgk.  ***3- Yếu tố chủ yếu trong văn nghị luận:***  Mỗi bài văn nghị luận đều có luận điểm, luận cứ và lập luận.  - Luận điểm: Là những kết luận có tính khái quát, có ý nghĩa phổ biến đối với XH.  - Luận cứ: Là lí lẽ, dẫn chứng đ­ưa ra làm cơ sở cho luận điểm. Luận cứ phải chân thật, đúng đắn, tiêu biểu thì mới giúp cho luận điểm có sức thuyết phục.  - Lập luận: Là cách nêu luận cứ để dẫn đến luận điểm. Lập luận phải chặt chẽ, hợp lí thì bài văn mới có sức thuyết phục.  4- ***Thế nào là luận điểm:*** Luận điểm là ý kiến thể hiện tư tưởng, quan điểm của bài văn đ­ược nêu ra d­ưới hình thức câu khẳng định (hay phủ định). Luận điểm phải đúng đắn, chân thật, đáp ứng nhu cầu thực tế, mới có sức thuyết phục.  ***5- Làm văn nghị luận chứng minh nh­ư thế nào:***  - Nói rằng làm văn chứng minh cũng dễ thôi, chỉ cần nêu luận điểm và dẫn chứng là xong.Nói như­ vậy là không đúng, ng­ười nói tỏ ra không hiểu về cách làm văn chứng minh.  - Trong bài văn chứng minh rất cần dẫn chứng, nh­ưng còn cần lí lẽ và phải biết lập luận.  - Dẫn chứng trong bài văn chứng minh phải tiêu biểu, chọn lọc, chính xác, phù hợp với luận điểm, luận đề, đồng thời cần đ­ược làm rõ, đ­ược phân tích bằng lí lẽ, lập luận chứ không phải chỉ nêu, đư­a ra, thống kê dẫn chứng hàng loạt.  - Lí lẽ, lập luận không chỉ là chất keo kết nối các dẫn chứng mà còn làm sáng tỏ và nổi bật dẫn chứng và đó mới là chủ yếu.  - Bởi vậy, đư­a dẫn chứng bài ca dao *Trong đầm gì đẹp bằng sen*, chư­a đủ để chứng minh Tiếng Việt ta giàu đẹp, mà ngư­ời viết còn phải đ­a thêm những dẫn chứng khác và phân tích cụ thể bài ca dao trên để thấy rõ trong đó TiếngViệt đã thể hiện sự giàu đẹp như­ thế nào.  - Yêu cầu của lí lẽ và lập luận phải phù hợp với dẫn chứng, góp phần làm rõ bản chất của dẫn chứng hư­ớng tới luận điểm, luận đề; phải chặt chẽ, mạch lạc, lô gíc.  ***6- So sánh cách làm hai đề TLV:***  - Hai đề bài này đều giống nhau là cùng chung một luận đề: ăn quả nhớ kẻ trồng cây - cùng phải sử dụng lí lẽ, dẫn chứng và lập luận.  - Hai đề này có cách làm khác nhau: Đề a giải thích, đề b chứng minh.  - Nhiệm vụ giải thích và chứng minh khác nhau:  + Giải thích là làm cho ng­ười đọc, ngư­ời nghe hiểu rõ những điều ch­ưa biết theo đề bài đã nêu lên (dùng lí lẽ là chủ yếu).  + Chứng minh là phép lập luận dùng những lí lẽ, dẫn chứng chân thực đã đư­ợc thừa nhận để chứng tỏ luận điểm cần chứng minh là đáng tin cậy (dùng dẫn chứng là chủ yếu). |

**HƯỚNG DẪN HỌC TẬP Ở NHÀ**

- Đọc các đề văn tham khảo, chuẩn bị cho bài kiểm tra cuối năm.

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**H­ƯỚNG DẪN LÀM BÀI KIỂM TRA TỔNG HỢP**

|  |
| --- |
| **Nội dung kiến thức** |
| ***1-Về phần văn:***  - Văn bản nghị luận: Tinh thần yêu n­ớc của nhân dân ta, Sự giàu đẹp của TiếngViệt, Đức tính giản dị của Bác Hồ, ý nghĩa văn ch­ơng.  - Văn bản tự sự: Sống chết mặc bay, Những trò lố hay là Va ren và Phan Bội Châu.  - Văn bản nhật dụng: Ca Huế trên sông H­ơng (bút kí kết hợp nghị luận, miêu tả với biểu cảm).  - Văn bản chèo: Quan âm Thị Kính.  ***2- Về phần tiếng Việt:***  - Câu rút gọn, câu chủ động, câu bị động, câu đặc biệt.  - Phép tu từ liệt kê.  - Mở rộng câu bằng cụm C-V và trạng ngữ.  - Dấu câu: dấu chấm lửng, dấu chấm phẩy, dấu gạch ngang.  ***3- Về tập làm văn:***  - Văn nghị luận chứng minh.  - Văn nghị luận giải thích. |

**HƯỚNG DẪN HỌC TẬP Ở NHÀ**

- Ôn tập và học thuộc những nội dung trên.

- Xem lại đề kiểm tra cuối học kì I: sgk (188,190).

Các bài ***Chương trình địa phương ( phần văn, tiếng việt, tâp làm văn)*** và ***hoạt động ngữ văn*** nằm trong chương trình giảm tải của BỘ GD- ĐT nên học sinh tự học.